TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lễ

2. Bà Bùi Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, về việc *"Ly hôn, tranh chấp vè nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Số 5X, Đường số 1X, Tỉnh lộ 79X, ấp TH, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Số 5X, Đường số 1X, Tỉnh lộ 79X, ấp TH, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần S Tín

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 26X-26X NKKM, phường X, Quận X, Thành phố HCM.

Địa chỉ chi nhánh TN: Số 21X-21X, Đường 30/4, Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Nguyễn Hồng S, Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh TN – Sacombank.

Chị L, anh Q có mặt tại phiên tòa.

Ông Sơn vắng mặt, có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-3-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thành Q tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1996 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Tân, huyện Hòa Thành (nay là xã Thạnh Tân, thành phố TN), tỉnh TN, tỉnh TN. Quá trình chung sống thời gian đầu giữa hai vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2014, 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q có tính gia trưởng, hay ghen tuông, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Q

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 10-3-1998 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11-02-2006. Hiện con chung N đã trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị L xin nuôi con chung H, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh TN các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1723300633 ký ngày 23-8-2017, Chị Loan, anh Quyến có vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay là 48 tháng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1822900150 ký ngày 20-8-2018, Chị L, anh Qcó vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay là 12 tháng.

Chị L, anh Q có thế chấp các tài sản gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01066 do Ủy ban nhân dân thị xã TN cấp ngày 18-12-2006 đối với phần đất có diện tích 2.024,0m^2 do chị Loan, anh Quyến đứng tên quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02537 do Ủy ban nhân dân huyện TC cấp ngày 05-11-2007 đối với phần đất có diện tích 4.875,0m^2 do chị Loan, anh Quyến đứng tên quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04064 do Ủy ban nhân dân huyện TC cấp ngày 17-8-2009 đối với phần đất có diện tích 11.000,0m^2 do chị Loan, anh Quyến đứng tên quyền sử dụng đất cho Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh TN. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31-5-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thành Q trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống vợ chồng, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình vợ chồng chung sống tuy cũng có cãi nhau do anh Q có ghen với chị L nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không có gì gay gắt. Nay anh Q vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, anh xin được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 10-3-1998 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11-02-2006. Hiện con chung N đã trưởng thành, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung H hiện đang sống cùng vợ chồng anh. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Q yêu cầu được nuôi con chung H, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Tuy con chung H có trình bày nguyện vọng được sống cùng chị L nhưng anh Q không đồng ý, anh yêu cầu được nuôi con chung Hải.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh TN như chị L đã trình bày, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

** Tại Văn bản số 080/2019/CV-KSRR ngày 17-6-2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh TN, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng - Ông Nguyễn Hồng S trình bày:*

Chị L, anh Q có vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh TN các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1723300633 ký ngày 23-8-2017, đáo hạn ngày 23-8-2011, chị Loan, anh Quyến có vay số tiền 200.000.000 đồng, hiện nợ gốc chưa trả tính đến ngày 17-6-2019 là 150.000.000 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1822900150 ký ngày 20-8-2018, ngày đáo hạn 20-8-2019, chị Loan, anh Quyến có vay số tiền 450.000.000 đồng, hiện nợ gốc chưa trả tính đến ngày 17-6-2019 là 450.000.000 đồng.

Tính đến ngày 17-6-2019, chị L, anh Q còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh TN số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng. Tình hình trả nợ của chị L, anh Q thanh toán lãi hàng tháng đủ, không vi phạm hợp đồng vay, chưa phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng xin không tham gia tố tụng và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp khách hàng vi phạm hợp đồng vay Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L đối với anh Q;

Về con chung: Do con chung N đã trưởng thành, ghi nhận chị L, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Hải. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Chị L, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ngân hàng thương mại cổ phần S, chị L, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L có yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Nguyễn Thành Q có địa chỉ cư trú tại số 5X, Đường số 1X, Tỉnh lộ 79X, ấp TH, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thành Q tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện HT (nay là xã TT, thành phố TN), tỉnh TN vào ngày 13-3-1996 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Q: Chị L cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2014, 2015 do anh Q có tính gia trưởng, hay ghen

tuông, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Q cho rằng vợ chồng tuy có cãi nhau do anh Q có ghen với chị L nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không có gì gay gắt. Tại Biên bản xác minh ngày 14-6-2019, ông Đoàn Thái B – Trưởng ấp TH, xã TT, thành phố TN cung cấp thông tin: Quá trình chị L, anh Q chung sống tại địa phương không có xảy ra đánh nhau, cự cãi báo chính quyền địa phương nhưng khoảng 03 năm trước đây, chị L có đưa đơn ly hôn với anh Q ra Văn phòng ấp để giải quyết, sau khi khuyên giải chị L rút đơn về tiếp tục chung sống với anh Q. Tại phiên tòa các đương sự đều xác nhận nội dung ông Bình trình bày là đúng. Như vậy, giữa chị L và anh Q đã có phát sinh mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn kéo dài, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L đối với anh Q.

[3] Về con chung: Chị L, anh Q có 02 con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 10-3-1998 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11-02-2006.

Đối với con chung Nguyễn Hoài N: Cháu N đã trưởng thành, ghi nhận chị L, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Ngọc H: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con chung H và anh Q cũng có yêu cầu được nuôi con chung H.

Xét về khả năng, điều kiện kinh tế để nuôi con thì chị L, anh Q đều có nghề nghiệp làm rẫy nên cả chị L, anh Q đều đảm bảo có điều kiện nuôi dưỡng cháu H. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Ngọc H ngày 19-6-2019 (Bút lục 48) thể hiện: Cháu H trình bày có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị Cẩm L. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu H cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của cháu H.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Ghi nhận chị L, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị L, anh Q trình bày có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh TN theo Hợp đồng tín dụng số LD1723300633 ký ngày 23-8-2017 số tiền vay là 200.000.000 đồng và theo Hợp đồng tín dụng số LD1822900150 ký ngày 20-8-2018 số tiền vay là 450.000.000 đồng, chị L, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Tại Văn bản số 080/2019/CV-KSRR ngày 17-6-2019,

người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S - ông Nguyễn Hồng Sơn trình bày: Tính đến ngày 17-6-2019, chị L, anh Q còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh TN số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng. Tình hình trả nợ của chị L, anh Q thanh toán lãi hàng tháng đủ, không vi phạm hợp đồng vay, chưa phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng xin không tham gia tố tụng và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp khách hàng vi phạm hợp đồng vay Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Do đó, về nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyễn Thị Cẩm L đối với anh Nguyễn Thành Q. Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thành Q được ly hôn.

2. Về con chung:

Con chung Nguyễn Hoài N, sinh ngày 10-3-1998 đã trưởng thành, ghi nhận chị L, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11-02-2006 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Cẩm L không yêu cầu anh Nguyễn Thành Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thành Q có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thành Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận Ngân hàng thương mại cổ phần S, chị Nguyễn Thị Cẩm L, anh Nguyễn Thành Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006753 ngày 25-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TPTN;
-THADS TPTN;
-Phòng GĐKT;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung